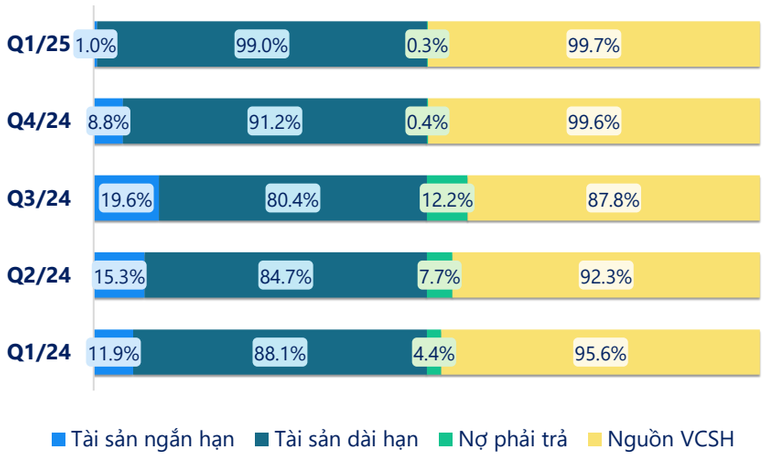
FireAnt

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	32,219,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,350
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	177
P/E	96.0
EPS	57

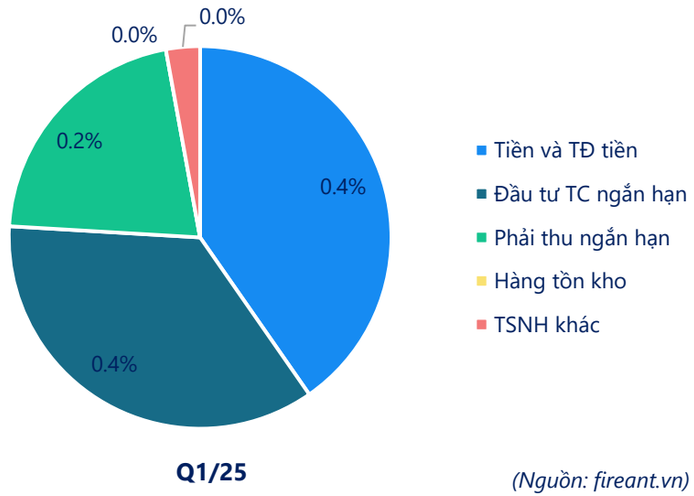
	YTD	1T	3T	6T
DST	-9.8%	-5.2%	0.0%	61.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



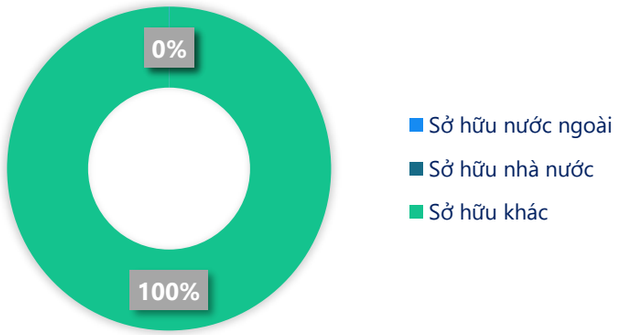
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



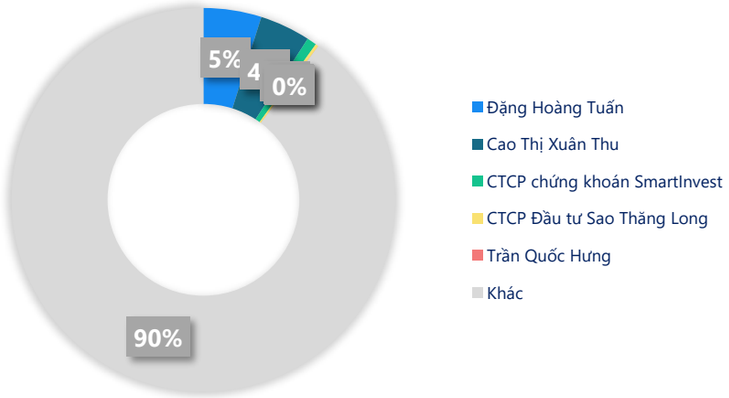
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



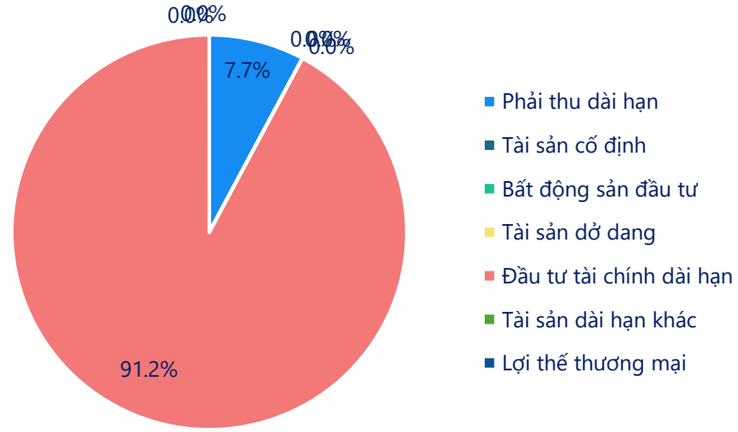
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

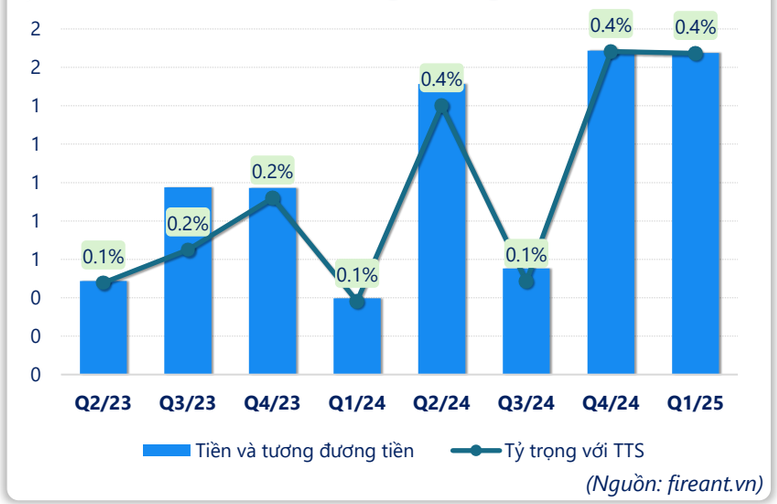


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

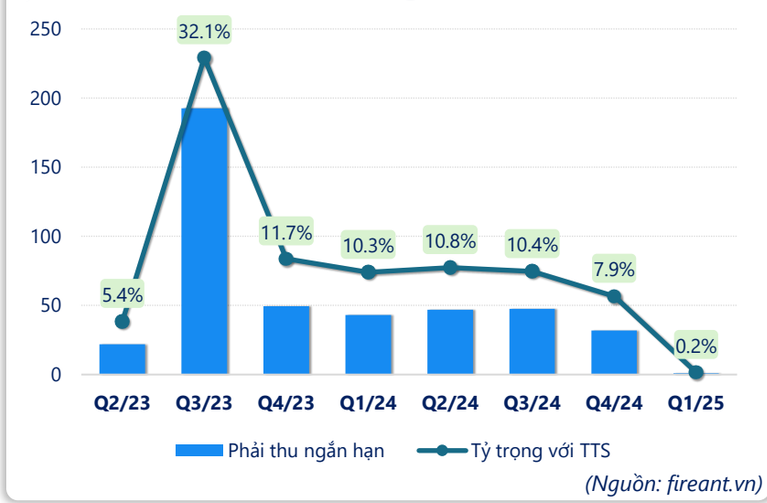
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Tiền và tương đương tiền



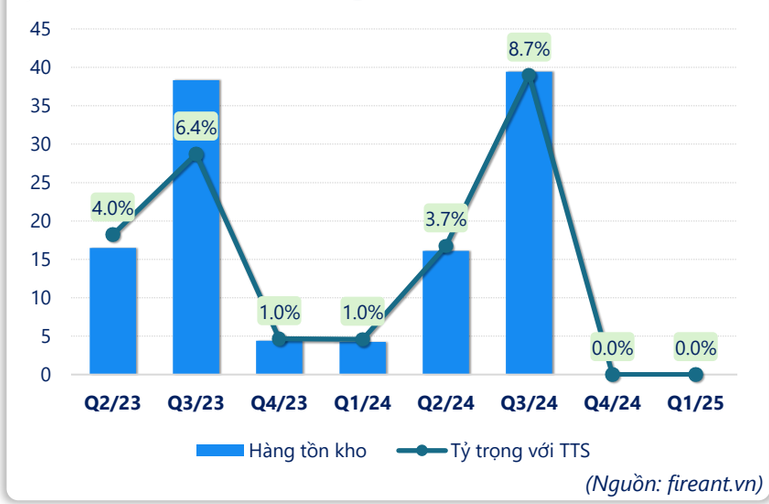
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



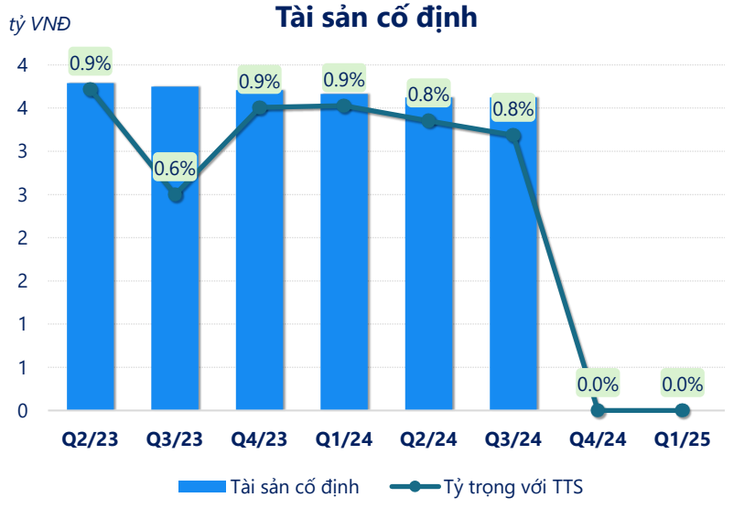
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



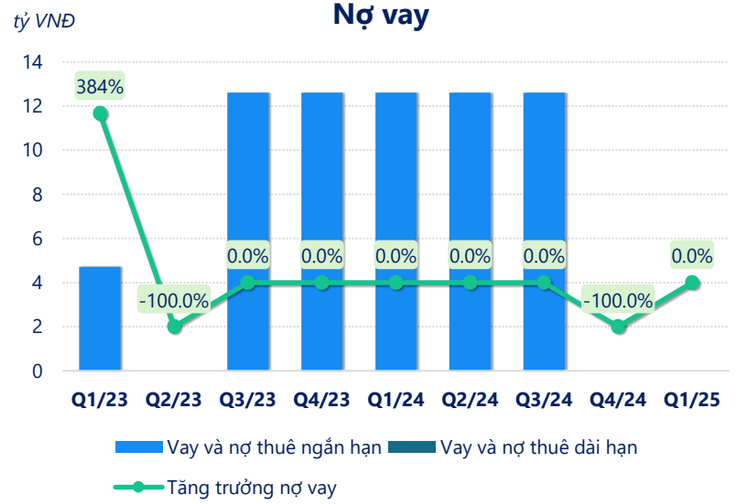
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



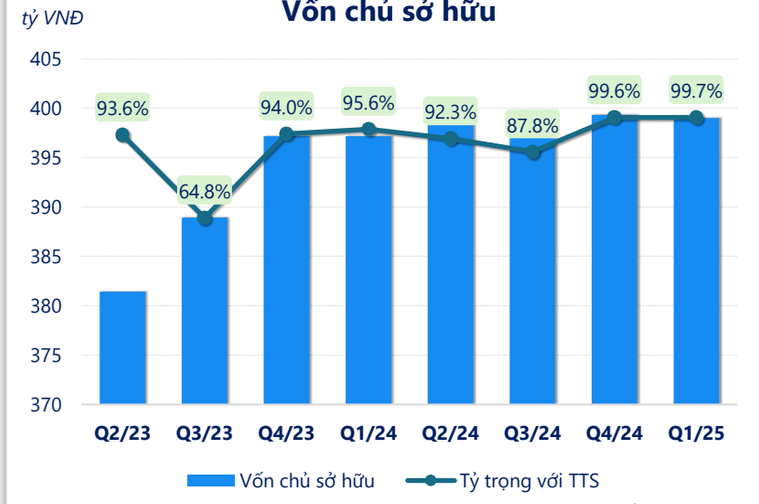
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

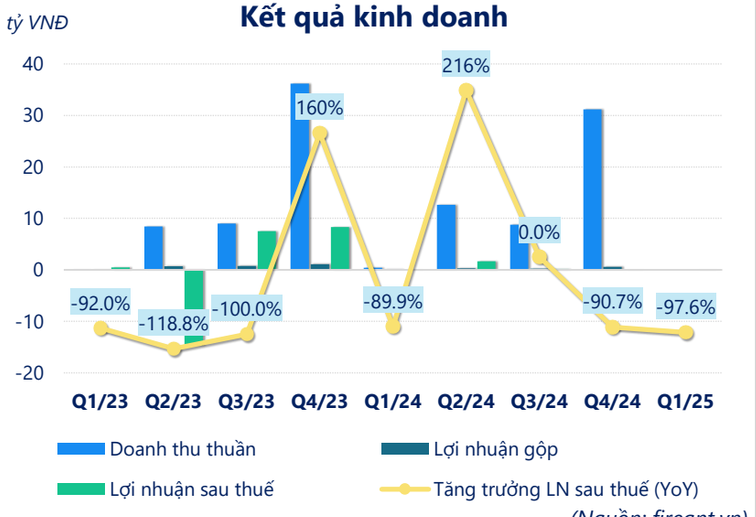


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

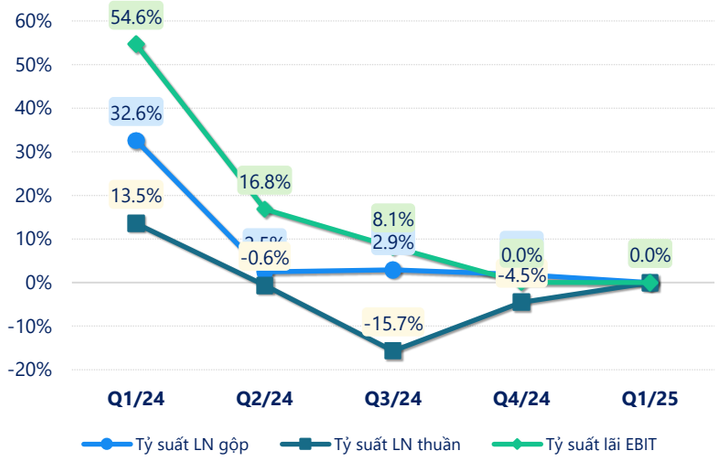
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Kết quả kinh doanh



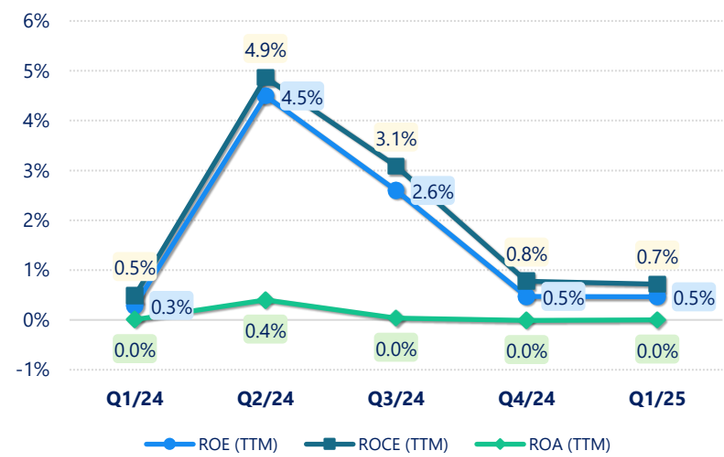
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



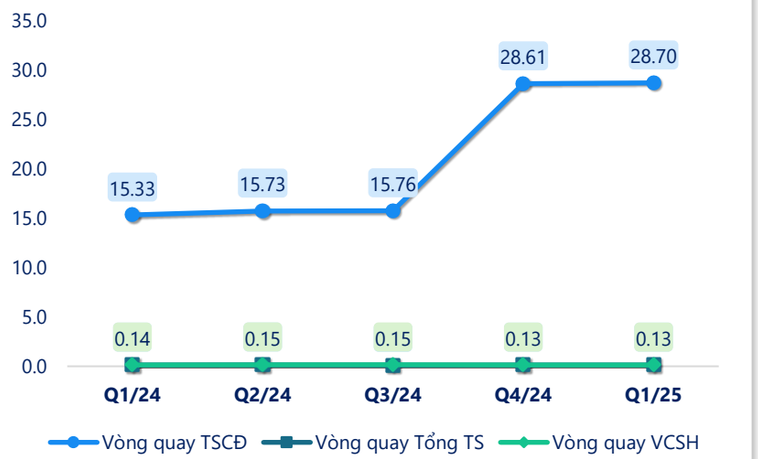
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



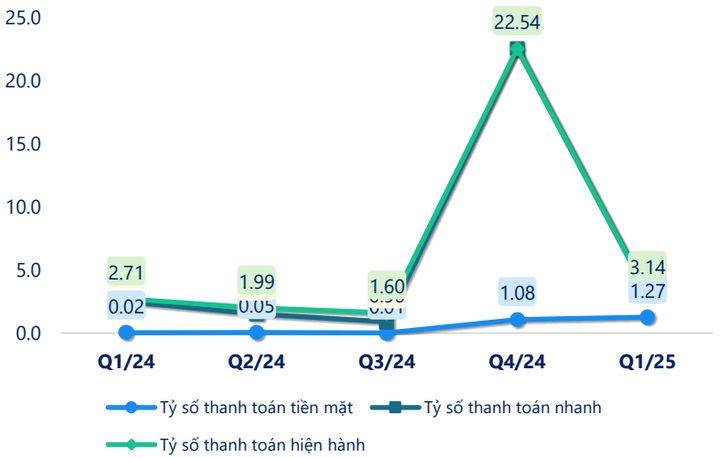
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



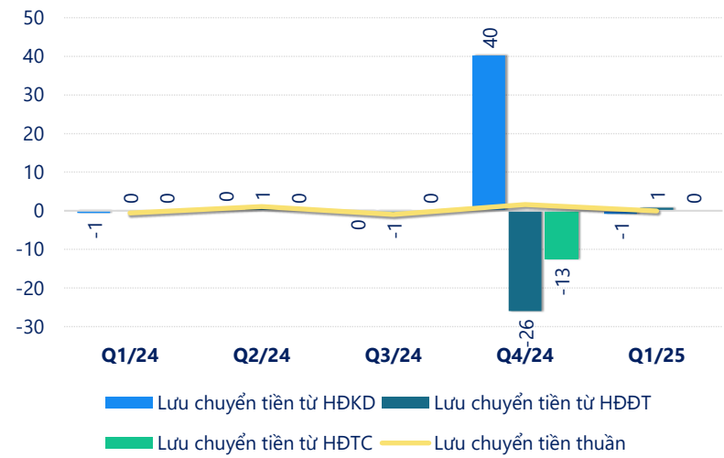
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**400**	**401**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	4.15	4.35	-4.6%
Tiền và tương đương tiền	1.67	1.69	-0.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.48	1.73	-14.7%
Phải thu ngắn hạn	0.88	0.82	7.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.12	3.0%
Tài sản dài hạn	**396**	**396**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	31.0	31.0	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	365	365	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.02**	**-14.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.32	1.73	-23.4%
Nợ ngắn hạn	**1.32**	**1.53**	**-13.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.19	0.22	-14.3%
Nợ dài hạn	0	0.20	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**399**	**399**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**399**	**399**	**0.0%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0.44	12.6	8.77	31.2	0
Giá vốn hàng bán	0.30	12.3	8.52	30.6	0
Lợi nhuận gộp	0.14	0.31	0.26	0.58	0
Doanh thu HĐTC	0.61	0.84	0.06	1.85	0.92
Chi phí TC	0.11	0.19	0.14	-0.13	0.25
Chi phí lãi vay	0.18	0.18	0.15	0	0
LN trong công ty LKLD	0	-0.11	-0.39	-0.86	0
Chi phí bán hàng	0.06	0.09	0.18	0.17	0
Chi phí QLDN	0.52	0.85	0.98	2.94	0.66
LN thuần từ HĐKD	0.06	-0.08	-1.38	-1.41	0.00
Lợi nhuận khác	0.00	2.03	1.94	1.43	0.00
LN trước thuế	0.06	1.95	0.57	0.01	0.00
Lợi nhuận sau thuế	0.04	1.69	0.20	-0.04	0.00
LNST của CĐ cty mẹ	0.04	1.69	0.20	-0.04	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.57	0.42	-0.26	40.2	-0.83
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.70	-0.70	-26.0	0.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-12.6	0
Tiền đầu kỳ	0.97	0.40	1.51	0.55	1.69
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.57**	**1.12**	**-0.96**	**1.61**	**-0.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.40	1.51	0.55	1.69	1.67

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic